UBND TỈNH THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 03 năm 2017

DANH SÁCH VÀO ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP
LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 37, TẠI TRƯỜNG
Khối kiến thức: Những vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị. Nhà nước pháp luật và QLHCNN; Đường lối chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước VN về các lĩnh vực của đời sống xã hội

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
1	Hoàng Minh Chi	05/5/1977	1	35	8.0	*Tám*	
2	Phạm Thành Chung	22/3/1984	2	17	7.5	*Bảy rưỡi*	
3	Nguyễn Mạnh Cường	03/8/1978	3	28	7.0	*Bảy*	
4	Dương Thị Dung	10/9/1982	4	02	7.0	*Bảy*	
5	Trần Minh Đức	03/4/1987	5	31	7.0	*Bảy*	
6	Lê Cao Hải	06/3/1982	6	43	8.0	*Tám*	
7	Đỗ Thị Thanh Hải	03/9/1971	7	06	7.0	*Bảy*	
8	Nông Thị Thu Hằng	15/3/1969	8	09	7.5	*Bảy rưỡi*	
9	Đinh Văn Hành	13/12/1972	9	33	6.5	*Sáu rưỡi*	
10	Dương Thị Thúy Hòa	18/01/1979	10	27	6.5	*Sáu rưỡi*	
11	Ngô Thị Huệ	04/9/1988	11	20	8.0	*Tám*	
12	Lê Duy Hùng	11/10/1984	12	39	7.5	*Bảy rưỡi*	
13	Phạm Quang Hưng	25/8/1984	13	19	8.0	*Tám*	
14	Dương Thị Hương	10/7/1983	14	07	7.5	*Bảy rưỡi*	
15	Trần Thị Hương	01/01/1979	15	15	8.0	*Tám*	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
16	Nguyễn Thị Thu Hường	25/8/1986	16	04	8.0	*Tám*	
17	Triệu Đình Huy	10/6/1978	17	29	7.5	*Bảy rưỡi*	
18	Kiều Xuân Kiên	20/9/1982	18	32	7.0	*Bảy*	
19	Nguyễn Trung Kiên	30/10/1977	19	03	7.5	*Bảy rưỡi*	
20	Trần Thị Lam	16/10/1978	20	16	7.0	*Bảy*	
21	Đồng Thái Lâm	17/12/1976	21	26	7.0	*Bảy*	
22	Hoàng Đức Lâm	02/02/1982	22	38	7.5	*Bảy rưỡi*	
23	Nguyễn Quang Lập	26/4/1974	23	10	7.0	*Bảy*	
24	Tạ Văn Lợi	13/11/1963	24	08	7.0	*Bảy*	
25	Đặng Thị Thu Lý	28/8/1983	25	05	8.0	*Tám*	
26	Trần Thị Thúy Ngà	17/3/1969	26	24	6.5	*Sáu rưỡi*	
27	Phan Thị Kim Ngân	01/01/1974	27	25	7.0	*Bảy*	
28	Lê Thị Thảo Nguyên	02/6/1980	28	13	7.5	*Bảy rưỡi*	
29	Nguyễn Văn Nguyên	19/8/1978	29	01	7.0	*Bảy*	
30	Dương Thị Như	08/8/1989	30	34	8.0	*Tám*	
31	Trịnh Thị Minh Phương	31/12/1982	31	12	7.5	*Bảy rưỡi*	
32	Lã Anh Phương	26/8/1965	32	44	8.0	*Tám*	
33	Nguyễn Văn Quang	22/7/1980	33	21	7.5	*Bảy rưỡi*	
34	Lê Minh Tâm	25/3/1971	34	23	6.5	*Sáu rưỡi*	
35	Dương Trọng Tấn	04/9/1980	35	42	7.5	*Bảy rưỡi*	
36	Trần Hà Thái	08/02/1984	36	37	7.0	*Bảy*	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	Số báo danh	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
37	Nguyễn Mạnh Thắng	30/10/1979	37	30	7.0	*Bảy*	
38	Đào Thị Hồng Thắm	20/11/1974	38	18	8.0	*Tám*	
39	Hoàng Văn Thể	03/4/1963	39	11	6.5	*Sáu rưỡi*	
40	Nguyễn Đình Thông	23/12/1974	40	14	7.0	*Bảy*	
41	Nguyễn Học Thông	02/7/1981	41	40	7.0	*Bảy*	
42	Tạ Viết Thuật	16/02/1977	42	22	6.5	*Sáu rưỡi*	
43	Trương Xuân Toàn	25/11/1983	43	41	8.0	*Tám*	
44	Đỗ Đình Trường	26/6/1979	44	36	8.0	*Tám*	
45	Nguyễn Đình Văn	01/01/1965	45	46	7.0	*Bảy*	
46	Dương Trung Việt	20/5/1980	46	45	7.0	*Bảy*	
47	Trần Thị Hải (K32-TT)	04/10/1981	47	-	-	-	Vắng

THƯ KÝ

Lương Thị Thượng

HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

Nguyễn Văn Nhâm